

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

Số: 4558/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 04 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 4286/TTr-SGTVT ngày 26/10/2015 và Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 1923/STP-KSTTHC ngày 21/10/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính mới ban hành; 11 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giao thông Vận tải, Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ
GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

Stt	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực: Đường bộ	
1.	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
2.	Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.
3.	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh.
4.	Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh.
5.	Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh.
6.	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.
7.	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.
8.	Cấp phù hiệu xe nội bộ.
9.	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.
10.	Cấp phù hiệu xe trung chuyển.
11.	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.
12.	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa

Stt	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực: Đường bộ			
1.	T-THA-268248-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.	<p>- Điều 35 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</p> <p>- Khoản 2 Điều 66 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p>
2.	T-THA-268249-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.	
3.	T-THA-268251-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi.	
4.	T-THA-268252-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch đối với doanh nghiệp, hợp tác xã.	
5.	T-THA-268253-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch đối với hộ kinh doanh	
6.	T-THA-268255-TT	Cấp giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải hàng hóa bằng Công-ten-nơ.	
7.	T-THA-268262-TT	Cấp mới (cấp lại) phù hiệu, biển hiệu cho xe ô tô.	
8.	T-THA-268256-TT	Đăng ký khai thác tuyến vận tải khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định (Mở tuyến mới).	
9.	T-THA-268258-TT	Công bố đưa vào khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.	

10.	T-THA-268259-TT	Đăng ký khai thác và điều chỉnh phương án khai thác đang thực hiện trên tuyến.	
11.	T-THA-268261-TT	Thủ tục xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải.	

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA

(Có nội dung cụ thể của 12 thủ tục hành chính đính kèm)

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

<p>2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh theo mẫu; - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải; - Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; - Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ); - Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách bằng xe buýt, vận tải hành khách bằng xe taxi). <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.</p>
<p>8. Phí, Lệ phí: Lệ phí cấp mới Giấy phép đăng ký kinh doanh vận tải: 200.000 đồng/Giấy phép.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).</p>

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;
- Quyết định số 3434/2011/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

.....
.....

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị KD vận tải:..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

PHƯƠNG ÁN KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

I. Tổ chức quản lý hoạt động vận tải của đơn vị kinh doanh vận tải

- Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.
- Người điều hành hoạt động vận tải: họ tên, trình độ, chuyên ngành.
- Phương án tổ chức bộ phận quản lý, theo dõi các điều kiện về an toàn giao thông của đơn vị vận tải (chỉ áp dụng đối với đơn vị vận tải đăng ký kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt, xe taxi, vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ).
- Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.
- Các nội dung quản lý khác.

II. Phương án kinh doanh của đơn vị vận tải

1. Phương án kinh doanh vận tải hành khách.

- a. Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt.
 - Tuyên khai thác, số chuyến, hình thức triển khai bán vé.
 - Phạm vi hoạt động của tuyến (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng phương tiện, gắn thiết bị giám sát hành trình.
 - Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ, thâm niên của lái xe khách có giường nằm hai tầng.
 - Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
 - Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
 - Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
 - Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.
- b. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe hợp đồng và xe du lịch.
 - Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km).
 - Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.
- Các dịch vụ phục vụ hành khách đi xe.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

c. Phương án kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi:

- Màu sơn xe của đơn vị.
- Vị trí gắn hộp đèn xe taxi, nội dung thông tin ghi phía ngoài xe: Số điện thoại, tên đơn vị vận tải.
- Hệ thống điều hành: địa chỉ trung tâm điều hành, số lượng nhân viên điều hành, trang thiết bị liên lạc.
- Lái xe taxi: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Đồng phục của lái xe.
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Giá cước: thực hiện các quy định có liên quan.

2. Phương án kinh doanh vận tải hàng hóa

- Loại hình kinh doanh vận tải (ghi rõ hình thức kinh doanh vận tải như: Vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, vận tải hàng hóa bằng xe taxi tải, vận tải hàng hóa thông thường...).
- Phương tiện: số lượng, chất lượng, việc gắn thiết bị giám sát hành trình.
- Phạm vi hoạt động (nêu rõ hành trình hoạt động có cự ly từ 300 km trở lên hay dưới 300 km)
- Chế độ bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện.
- Lái xe: số lượng, hạng giấy phép lái xe, chế độ tập huấn nghiệp vụ.
- Nơi đỗ xe của đơn vị vận tải: địa điểm, diện tích.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

1. Hình minh họa:

Cơ quan cấp phép (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp.....)	
• Cấp cho đơn vị:.....	
• Địa chỉ:.....	
• Số điện thoại:.....	
• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày tháng năm cơ quan cấp.....	
• Họ và tên người đại diện hợp pháp:	
• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:	
Giấy phép có giá trị đến hết ngày...../...../.....	
	Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

2. Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.

- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:

+ Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;

+ Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy phép kinh doanh đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Đơn vị kinh doanh vận tải chuẩn bị hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần bổ sung hoặc sửa đổi đến đơn vị kinh doanh vận tải trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh thẩm định hồ sơ, cấp lại Giấy phép kinh doanh đồng thời phê duyệt Phương án kinh doanh kèm theo. Trường hợp không cấp lại Giấy phép kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh kiểm tra, xác minh, cấp lại Giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp lại Giấy phép

kinh doanh thì cơ quan cấp Giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Đối với trường hợp thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh trong đó nêu rõ lý do xin cấp lại theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Tài liệu chứng minh sự thay đổi của những nội dung ghi trong Giấy phép kinh doanh quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định số 86/2014/NĐ-CP (việc thay đổi liên quan đến nội dung nào thì bổ sung tài liệu về nội dung đó).

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh hết hạn, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh được cấp trước đó;

+ Phương án kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo quy định của Bộ Giao thông Vận tải.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng.

- Đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh theo mẫu;

+ Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định;

- Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. d) Cơ quan phối hợp: Không.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.
8. Phí, Lệ phí: Lệ phí Cấp đổi lại (do mất, hỏng, thay đổi về điều kiện kinh doanh liên quan đến nội dung trong Giấy phép): 50.000 đồng/lần cấp.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; - Quyết định số 3434/2011/QĐ-UBND ngày 19/10/2011 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2012.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị
KDVT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Địa chỉ trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số:.....
do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....
6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:.....
7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

MẪU GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ

1. Hình minh họa:

Cơ quan cấp phép (1)	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ Số:.....Cấp lần thứ:..... (Cấp lần đầu: Số ngày.....tháng.....năm.....nơi cấp.....)	
<ul style="list-style-type: none">• Cấp cho đơn vị:.....• Địa chỉ:.....• Số điện thoại:.....• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) sốngày tháng năm cơ quan cấp.....• Họ và tên người đại diện hợp pháp:• Được phép kinh doanh các loại hình vận tải bằng xe ô tô:	
Giấy phép có giá trị đến hết ngày...../...../.....	
	Cơ quan cấp phép (Ký tên, đóng dấu)

2. Kính thước, kiểu chữ, cỡ chữ và màu sắc:

- Giấy phép được in trên khổ giấy A4, nền màu hồng có vân hoa.
- Kiểu chữ, cỡ chữ và màu chữ:
 - + Dòng “GIẤY PHÉP” và dòng “KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ” in phông chữ Times New Roman, chữ in hoa, cỡ chữ từ 14 - 18, màu đỏ đậm;
 - + Các dòng chữ khác in phông chữ Times New Roman, cỡ chữ 14 - 16, màu xanh đen.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ ra văn bản chấp thuận gửi doanh nghiệp, hợp tác xã. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ

ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).
2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.
3. Thành phần, số lượng hồ sơ: a) Thành phần hồ sơ bao gồm: - Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu; - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu; - Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.
5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. d) Cơ quan phối hợp: Không.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: - Giấy đăng ký khai thác tuyến. (Phụ lục 14, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải); - Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô. (Phụ lục 15, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải); - Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định. (Phụ lục 7, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc

điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;
- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...*(tên cơ quan cấp)*... cấp ngày...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
Bến đi:..... Bến đến:.....
Cự ly vận chuyển:.....km
Hành trình chạy xe:.....
6. Công văn chấp thuận khai thác số:...../..... do..... *(ghi tên cơ quan cấp)*cấp ngày.../.../.....(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe.
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

PHỤ LỤC 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số

tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) *Chiều đi: xuất bến tại:*.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

b) *Chiều về: xuất bến tại:*.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ.... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ....phút, vào các ngày.....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lưu hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) *Chiều đi: xuất bến tại:*.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất

bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					

2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) *Chiều về: xuất bến tại:.....*

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất

bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất

bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			

		
--	------	--	--

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạngcủa Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã gửi hồ sơ đề nghị Chấp thuận khai thác tuyến, điều chỉnh tăng tần suất chạy xe đến Sở Giao thông Vận tải đầu tuyến, nơi đặt trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của đơn vị.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Cơ quan cấp Giấy phép tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến doanh nghiệp, hợp tác xã trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản gửi Sở Giao thông Vận tải đầu tuyến phía bên kia để lấy ý kiến.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến, Sở Giao thông Vận tải được xin ý kiến phải có văn bản trả lời. Hết thời hạn trên nếu không có văn bản trả lời thì coi như Sở Giao thông Vận tải được xin ý kiến đã đồng ý với nội dung đăng ký khai thác tuyến của doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản chấp thuận gửi doanh

nghiệp, hợp tác xã, bến xe hai đầu tuyến. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu;
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô theo mẫu;
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định theo mẫu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- d) Cơ quan phối hợp: Không.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.

8. Phí, Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký khai thác tuyến. (Phụ lục 14, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);
- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô. (Phụ lục 15, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);
- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định. (Phụ lục 7, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng

Bộ Giao thông Vận tải);

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô được lựa chọn đăng ký khai thác tuyến theo quy hoạch mạng lưới tuyến hoặc điều chỉnh tăng tần suất chạy xe theo nguyên tắc: giờ xe đăng ký xuất bến tại hai đầu bến không trùng giờ và đảm bảo thời gian giãn cách theo quy định với các chuyến xe của doanh nghiệp, hợp tác xã khác đang hoạt động hoặc đã đăng ký trước trong các trường hợp sau:

- Khi cơ quan có thẩm quyền công bố, điều chỉnh quy hoạch;
- Khi cơ quan có thẩm quyền quyết định tăng tần suất chạy xe.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CÓ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...(tên cơ quan cấp).... cấp ngày...../...../.....
5. Đăng ký.....(1).....tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(2)
Bến đi:..... Bến đến:.....
Cự ly vận chuyển:.....km
Hành trình chạy xe:.....
6. Công văn chấp thuận khai thác số:...../..... do..... (ghi tên cơ quan cấp)cấp ngày.../.../...(3)

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi một trong các nội dung sau: đăng ký khai thác/ tăng tần suất chạy xe.
- (2) Ghi tên tỉnh,
- (3) Chỉ áp dụng với việc đăng ký tăng tần suất chạy xe.

PHỤ LỤC 15

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp, HTX... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ

I. Đặc điểm tuyến:

Mã số tuyến:.....

Tên tuyến:.....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyên:.....km.

Hành trình:.....

II. Biểu đồ chạy xe:

1. Số chuyến (nốt (tài)).....trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

a) *Chiều đi: xuất bến tại:*.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....

b) *Chiều về: xuất bến tại:*.....

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc..... giờ... phút, vào các ngày.....

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc..... giờ.....phút, vào các ngày.....

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

a) *Chiều đi: xuất bến tại:*.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					

...					
-----	--	--	--	--	--

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

b) Chiều về: xuất bến tại:.....

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:.....

TT lần nghỉ	Tên điểm dừng nghỉ	Điện thoại	Địa chỉ	Thời gian đến	Thời gian dừng (phút)
1.					
2.					
...					

III. Đoàn phương tiện:

TT	Nhãn hiệu xe	Năm sản xuất	Sức chứa	Tiêu chuẩn khí thải	Số lượng (chiếc)
1					
2
	Tổng cộng				

IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:

TT	Nốt (tài)	Số lượng lái xe	Số lượng nhân viên phục vụ	Ghi chú
1	Nốt (tài) 1			
2	Nốt (tài) 2			
			

V. Giá vé và cước hành lý:

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.....):.....đồng/HK.

- Chặng.....

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.....kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:.....đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bên xe:.....

b) Bán vé tại đại lý:..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang web).

VI. Xe trung chuyển (nếu có):

- Loại xe:....., sức chứa:....., năm sản xuất

- Số lượng xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI
TRÊN TUYẾN CÓ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....

2. Địa chỉ:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng..... theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạngcủa Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi..... tỉnh đến.....; Bến đi..... Bến đến..... như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại.....(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:.....

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:.....

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Đại diện doanh nghiệp, HTX

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi giảm tần suất chạy xe trên tuyến ít nhất 10 ngày, doanh nghiệp, hợp tác xã phải gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh đến Sở Giao thông Vận tải nơi cấp phù hiệu.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông Vận tải ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến; đồng thời cập nhật các thông tin về việc giảm tần suất chạy xe trên tuyến vào nội dung niêm yết trên Trang thông tin điện tử của Sở.

- Sau thời điểm giảm tần suất chạy xe chậm nhất 05 ngày làm việc, doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại phù hiệu của các xe ngừng khai thác trên tuyến cho Sở Giao thông Vận tải nơi cấp. Trước khi doanh nghiệp, hợp tác xã giảm tần suất chạy xe ít nhất 03 ngày, bến xe hai đầu tuyến có trách nhiệm thông báo công khai tại bến xe.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh

Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).
2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).
2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.
3. Thành phần, số lượng hồ sơ: a) Thành phần hồ sơ bao gồm: Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh theo mẫu. b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.
4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, Sở Giao thông vận tải ra văn bản chấp thuận giảm tần suất chạy xe trên tuyến.
5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.
6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không. c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa. d) Cơ quan phối hợp: Không.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận.
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Văn bản đề nghị giảm tần suất chạy xe trên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh, nội tỉnh. (Phụ lục 14, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Không.

PHỤ LỤC 14

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢM TẦN SUẤT CHẠY XE TRÊN TUYẾN VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số:..... do ...*(tên cơ quan cấp)*... cấp
ngày...../...../.....
5. Đăng ký giảm tần suất chạy xe tuyến: Mã số tuyến:.....
Nơi đi:.....Nơi đến:.....(1)
Bến đi:..... Bến đến:.....
Cụ ly vận chuyển:.....kin
Hành trình chạy xe:.....

Đại diện doanh nghiệp, HTX
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã (nơi đặt bến xe, nếu là tuyến nội tỉnh).

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt chuẩn bị hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở

Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe nội bộ; xe trung chuyển.

8. Phí, Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải);
- Giấy đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải (Phụ lục 25, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông Vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông Vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biên hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT...(2).....

Sở GTVT ... (1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ... (2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của.....(tên doanh nghiệp/HTX)....chưa được cấp Phù hiệu (**hoặc đã trả lại phù hiệu**) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)
Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

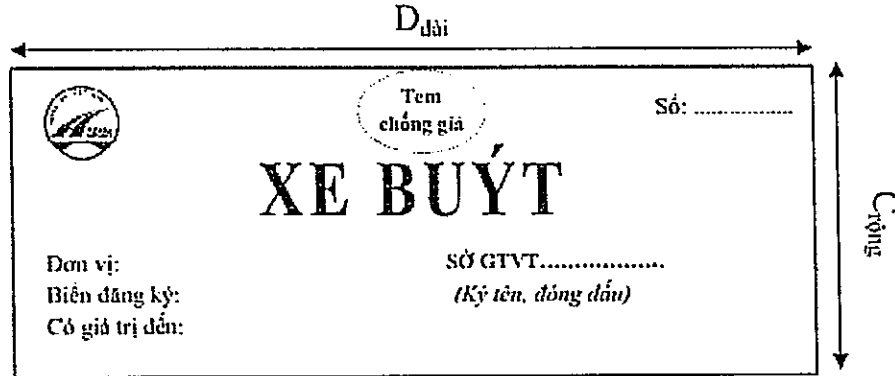
- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

PHỤ LỤC 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE BUÝT”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE BUÝT”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{\text{rộng}} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

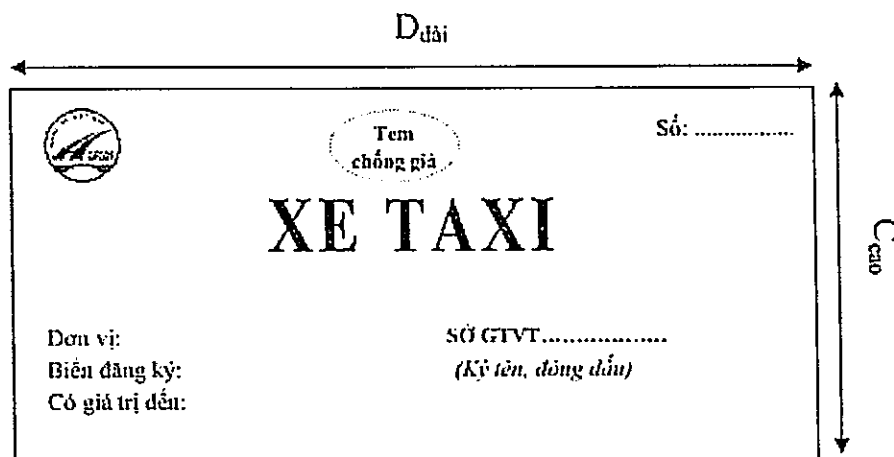
Khung viền và chữ bên trong màu đỏ, nền màu vàng nhạt in chìm hình một chiếc xe buýt.

PHỤ LỤC 20

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE TAXI”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE TAXI”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều cao: $C_{cao} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

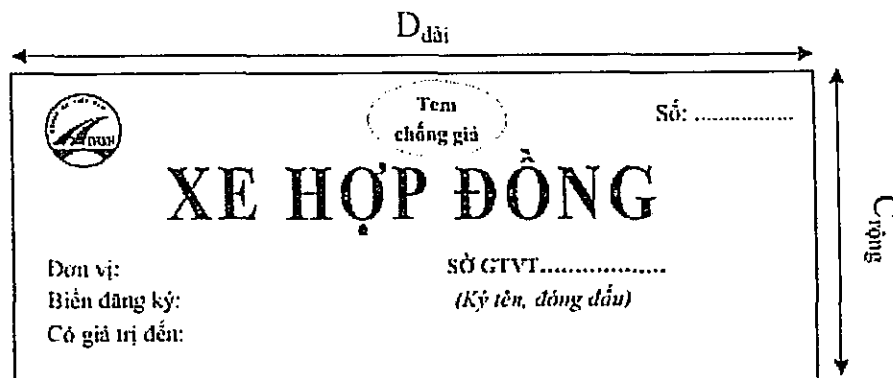
Chữ bên trong màu xanh đậm, khung viền cùng màu chữ, nền hoa văn của biển hiệu màu hồng nhạt in chìm hình một chiếc xe ô tô 5 chỗ ở chính giữa phù hiệu.

PHỤ LỤC 21

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

PHẪU HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

I. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE HỢP ĐỒNG”	Times New Roman (in hoa)	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Cổ giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phụ hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phụ hiệu

a) Phụ hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

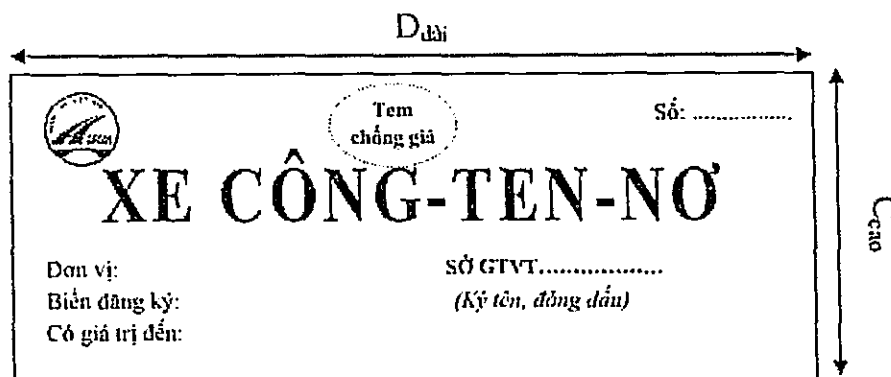
b) Phụ hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

PHỤ LỤC 27a
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE CÔNG - TEN - NƠ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE CÔNG-TEN-NƠ”	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kinh thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều cao: $C_{cao} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe công-ten-nơ.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

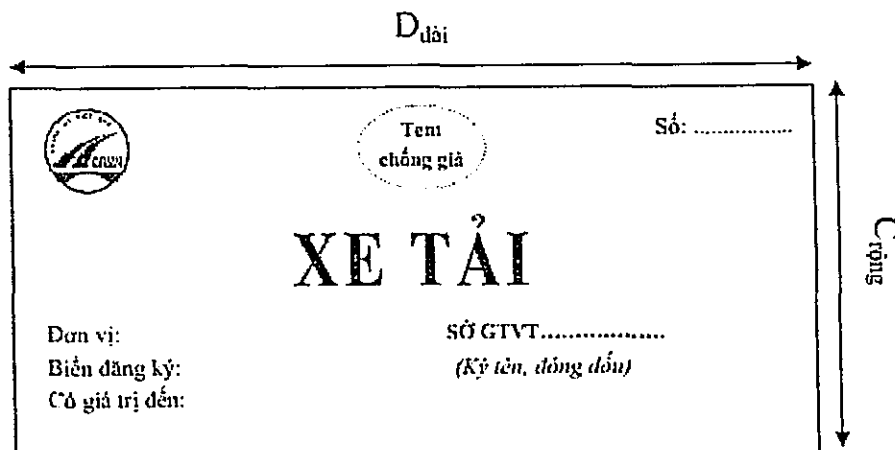
Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe công-ten-nơ.

PHỤ LỤC 27b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu "XE TẢI"

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
"Số...../....."	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
"XE TẢI"	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
"Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Cỡ giá trị đến"	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe tải.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

Khung viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe tải.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở

Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì phải có xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo mẫu;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe nội bộ; xe trung chuyển.</p>
<p>8. Phí, Lệ phí: Không.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải); - Giấy đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải (Phụ lục 25, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
<p>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông Vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã; - Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông Vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.
<p>11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HD, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 25

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Sở GTVT:...(1)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG CỦA XE Ô TÔ THAM GIA KINH DOANH VẬN TẢI

Kính gửi: Sở GTVT..(2).....

Sở GTVT ...(1). đề nghị Sở GTVT ... (2) xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải như sau:

1. Tên doanh nghiệp/ hợp tác xã.....
2. Trụ sở:.....
3. Số điện thoại (Fax):.....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải số:..... do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Đề nghị Sở GTVT ...(2)...xác nhận xe ô tô mang biển số ...thuộc sở hữu (quyền sử dụng hợp pháp) của....(tên doanh nghiệp/HTX)...chưa được cấp Phù hiệu (hoặc đã trả lại phù hiệu) để chuyển đến hoạt động kinh doanh vận tải do Sở GTVT...(1)....quản lý.

Xác nhận của Sở Giao thông vận tải (2)

Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký tên, đóng dấu)

Sở Giao thông vận tải (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

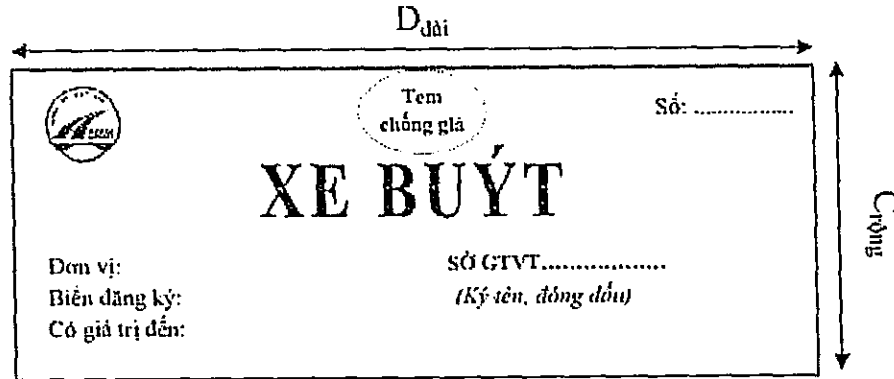
- (1) Ghi tên Sở GTVT địa phương nơi phương tiện cấp phù hiệu, biển hiệu;
- (2) Ghi tên Sở GTVT nơi phương tiện chuyển đến.

PHỤ LỤC 18

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE BUÝT”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE BUÝT”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị:” “Biển đăng ký:” “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

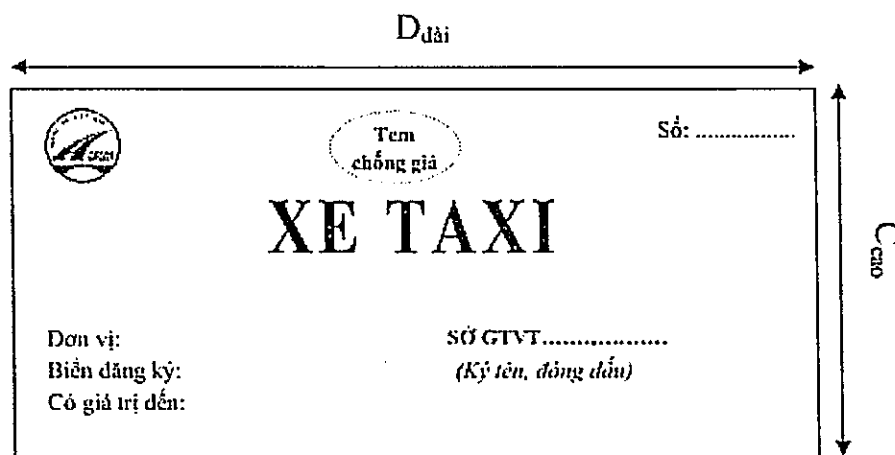
Khung viền và chữ bên trong màu đỏ, nền màu vàng nhạt in chìm hình một chiếc xe buýt.

PHỤ LỤC 20

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE TAXI”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE TAXI”	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{\text{dài}} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều cao: $C_{\text{cao}} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

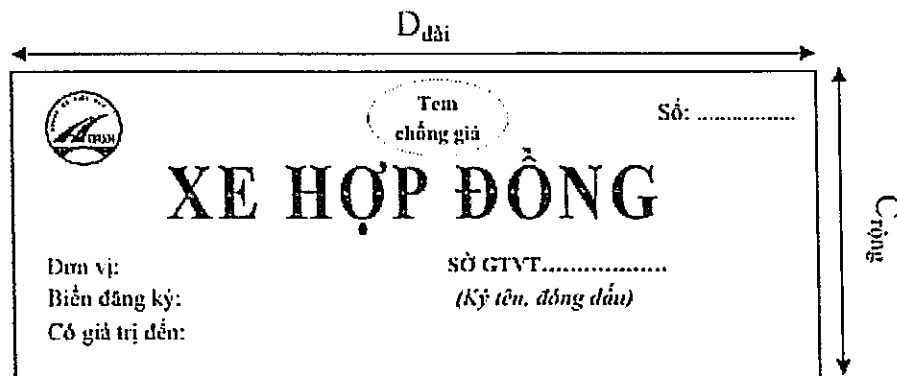
Chữ bên trong màu xanh đậm, khung viền cùng màu chữ, nền hoa văn của biển hiệu màu hồng nhạt in chìm hình một chiếc xe ô tô 5 chỗ ở chính giữa phù hiệu.

PHỤ LỤC 21

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

PHỤ HIỆU “XE HỢP ĐỒNG”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE HỢP ĐỒNG”	Times New Roman (in hoa)	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Cổ giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phụ hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phụ hiệu

a) Phụ hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

b) Phụ hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

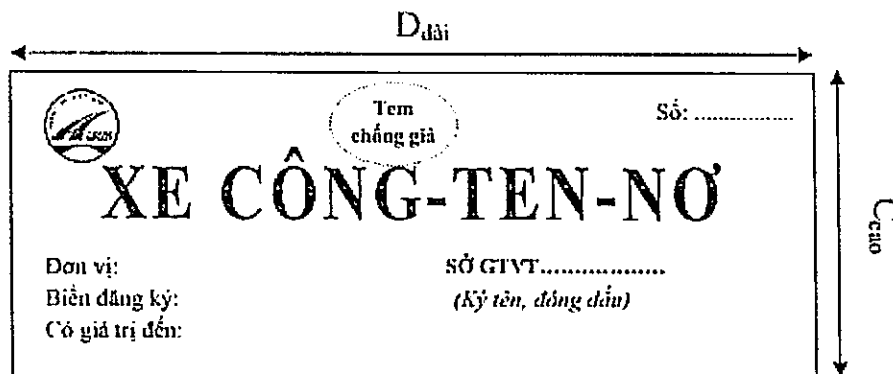
Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình chiếc xe ô tô khách loại 24 ghế.

PHỤ LỤC 27a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE CÔNG - TEN - NO”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE CÔNG-TEN-NO”	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều cao: $C_{cao} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe công-ten-no.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

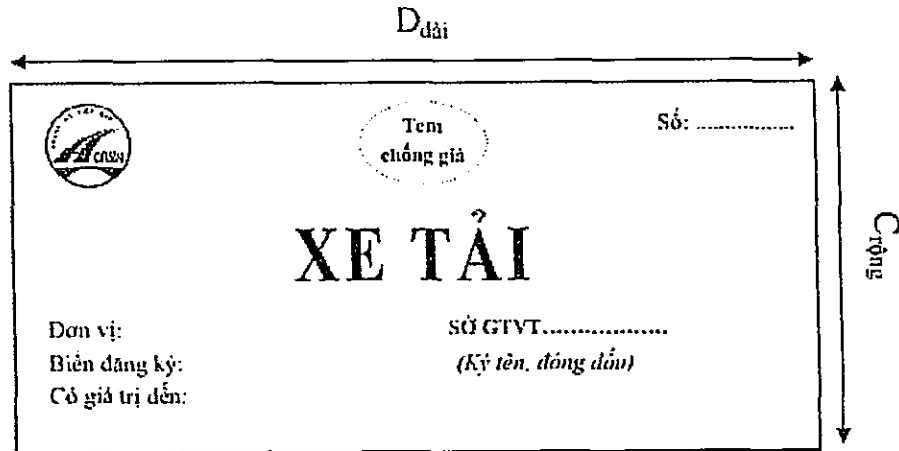
Viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe công-ten-no.

PHỤ LỤC 27b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu "XE TẢI"

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
"Số...../....."	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
"XE TẢI"	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
"Đơn vị:" "Biển đăng ký:" "Có giá trị đến"	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

a) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly lớn hơn 300 km

Khung viền và chữ màu đỏ đậm, nền màu xanh nhạt in chìm hình một chiếc xe tải.

b) Phù hiệu sử dụng cho xe chạy cự ly đến 300 km

Khung viền và chữ màu xanh đậm, nền màu hồng nhạt có in chìm hình một chiếc xe tải.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp phù hiệu xe nội bộ.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu cấp phù hiệu xe nội bộ chuẩn bị hồ sơ theo quy định.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày

nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của

phương tiện.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ.
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HD, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

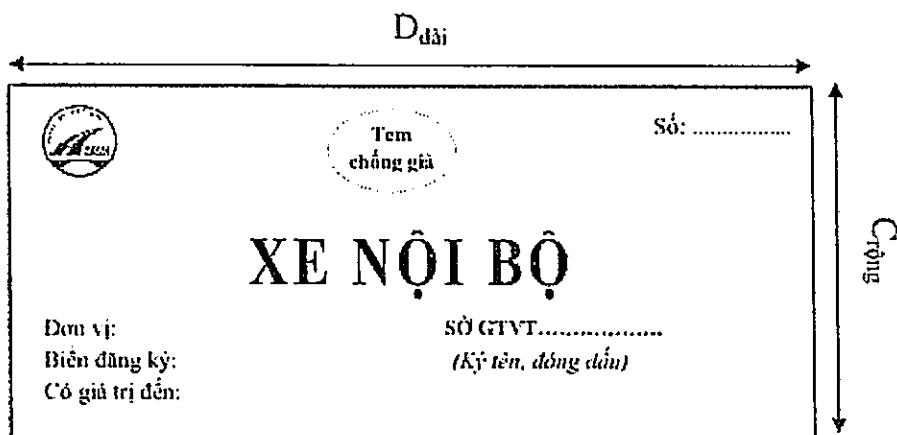
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE NỘI BỘ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE NỘI BỘ”	Times New Roman (in hoa) kéo dãn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

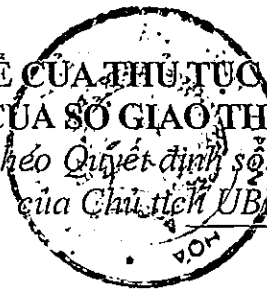
3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu: Khung viền và chữ bên trong màu xanh, nền màu trắng.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4/558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)



Tên thủ tục hành chính: Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe nội bộ đến Sở Giao thông Vận tải.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm

xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe nội bộ.
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận
tải:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HD, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

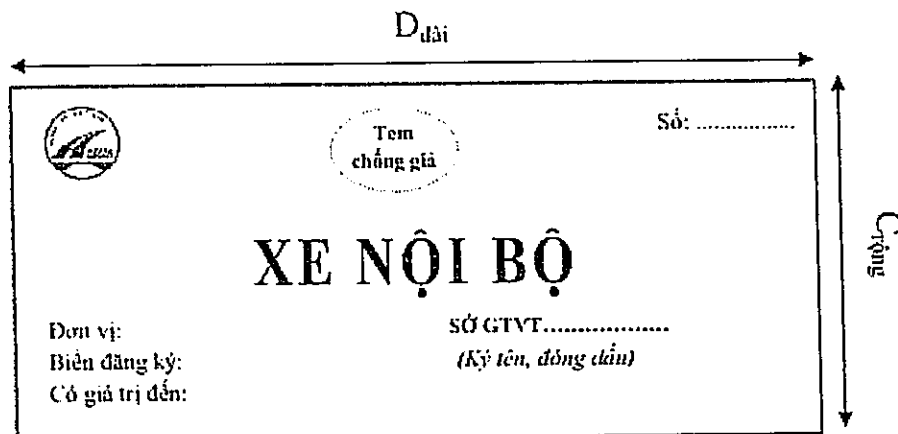
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 23

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE NỘI BỘ”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE NỘI BỘ”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biên đăng ký: “Cỡ giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu: Khung viền và chữ bên trong màu xanh, nền màu trắng.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp phù hiệu xe trung chuyên.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Doanh nghiệp, hợp tác xã có nhu cầu cấp phù hiệu xe trung chuyên chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông

Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải, đơn vị có xe nội bộ. Trường hợp từ chối không cấp, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Bản sao công bố tuyên, chấp thuận khai thác tuyến của cơ quan quản lý tuyến.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.
- c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.

d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe trung chuyển.

8. Phí, Lệ phí: Không.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Giao thông Vận tải).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;
- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....
- Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HD, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

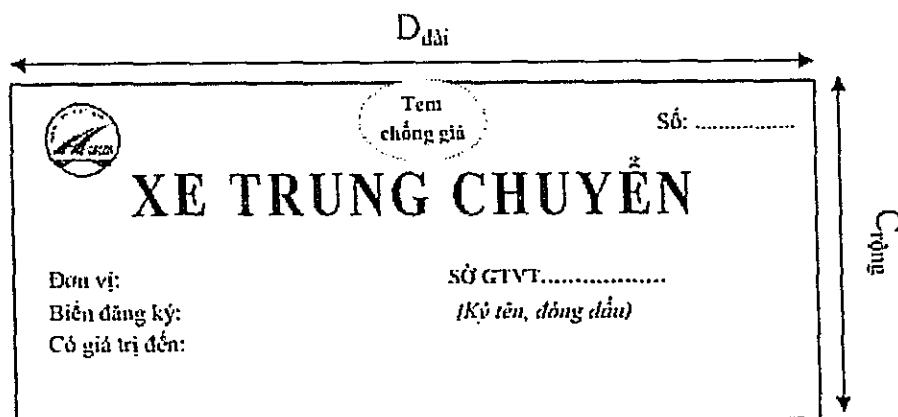
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE TRUNG CHUYỀN”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE TRUNG CHUYỀN”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

Khung viền và chữ bên trong màu tím, nền màu trắng in chìm hình một chiếc xe khách 16 ghế.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Cấp lại phù hiệu xe trung chuyên.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp phù hiệu xe trung chuyên đến Sở Giao thông Vận tải.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ.

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đúng hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ có văn bản đề nghị xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải gửi đến Sở Giao thông Vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận, Sở Giao thông Vận tải nơi phương tiện mang biển số đăng ký phải có trách nhiệm xác nhận và gửi tới Sở Giao thông Vận tải nơi đề nghị qua fax hoặc email, bản

chính được gửi qua đường bưu điện. Trường hợp không xác nhận, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Sau 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải có trách nhiệm cấp lại phù hiệu cho đơn vị kinh doanh vận tải. Trường hợp từ chối không cấp lại, Sở Giao thông Vận tải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp lại phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu;
- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- Bản sao công bố tuyển, chấp thuận khai thác tuyển của cơ quan quản lý tuyển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;
- Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
- b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.
d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.
7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phù hiệu xe trung chuyên.
8. Phí, Lệ phí: Không.
9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị cấp phù hiệu, biển hiệu (Phụ lục 24, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).
10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 24

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên đơn vị vận tải:..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU, BIỂN HIỆU

Kính gửi:.....(Sở Giao thông vận tải).....

1. Tên đơn vị vận tải:.....
 2. Địa chỉ:.....
 3. Số điện thoại (Fax):.....
 4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô..... ngày.....tháng.....năm....., nơi cấp.....(1).....
- Số lượng phù hiệu, biển hiệu chạy xe nộp lại:.....

Đề nghị được cấp: (2).....

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

TT	Biển kiểm soát	Sức chứa	Nhãn hiệu xe	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Tuyến CD (HĐ, DL, taxi, xe tải...)
1						
2						
..						

Đại diện đơn vị vận tải
(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn cách ghi:

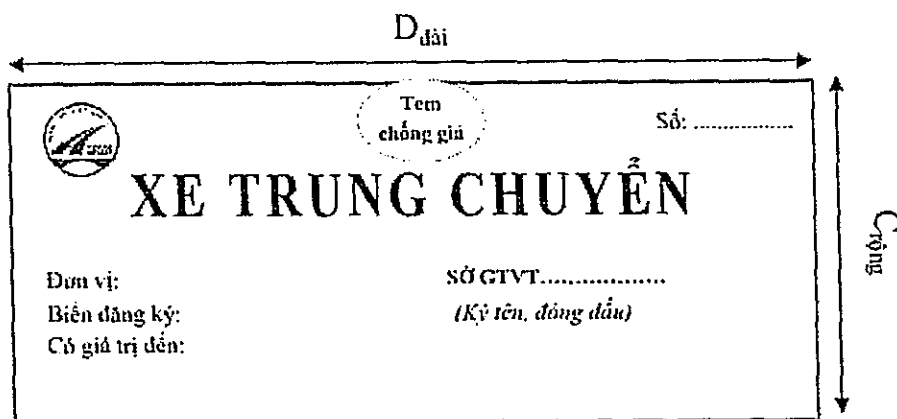
(1) Hoạt động vận tải khách nội bộ không điền thông tin này.

PHỤ LỤC 12

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Phù hiệu “XE TRUNG CHUYÊN”

1. Hình minh họa



2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
“Số...../.....”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	
“XE TRUNG CHUYÊN”	Times New Roman (in hoa) kéo dẫn	20 mm ± 3 mm	15 mm ± 3 mm
“Đơn vị: “Biển đăng ký: “Có giá trị đến”	Times New Roman	Cỡ chữ 16 - 18	

3. Kích thước phù hiệu

Chiều dài: $D_{dài} = 200 \text{ mm} \pm 20 \text{ mm}$

Chiều rộng: $C_{rộng} = 100 \text{ mm} \pm 15 \text{ mm}$

4. Màu sắc của phù hiệu

Khung viền và chữ bên trong màu tím, nền màu trắng in chìm hình một chiếc xe khách 16 ghế.

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH THANH HÓA**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4558 /QĐ-UBND ngày 04/11/2015
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá)

Tên thủ tục hành chính: Công bố bến xe hàng vào khai thác.

Số seri trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC:

Lĩnh vực: Đường bộ.

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ: Đơn vị kinh doanh bến xe hàng gửi hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác đến Sở Giao thông Vận tải tại địa phương nơi có bến xe hàng được đề nghị công bố.

Bước 2. Tiếp nhận hồ sơ:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).

3. Những điểm cần lưu ý khi tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với tổ chức: Không.

b) Đối với cơ quan tiếp nhận hồ sơ: Không.

Bước 3. Xử lý hồ sơ:

- Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Giao thông Vận tải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung đến đơn vị kinh doanh bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông Vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra theo các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 57 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.

- Trường hợp bến xe không đáp ứng các tiêu chí yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng thì cơ quan kiểm tra phải ghi rõ nội dung không đáp ứng và thông báo bằng văn bản với đơn vị khai thác bến xe hàng trong thời gian tối đa không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra.

Bước 4. Trả kết quả:

1. Địa điểm: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa (Số 13 Hạc Thành, P. Điện Biên, TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá).

<p>2. Thời gian: Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 7 hàng tuần (trừ ngày Lễ, Tết và ngày nghỉ theo quy định).</p>
<p>2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.</p>
<p>3. Thành phần, số lượng hồ sơ:</p> <p>a) Thành phần hồ sơ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác theo mẫu; - Sơ đồ mặt bằng tổng thể bến xe hàng; - Biên bản nghiệm thu các tiêu chí theo yêu cầu kỹ thuật bến xe hàng theo quy định; - Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra vào bến xe hàng của cơ quan có thẩm quyền. <p>b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.</p>
<p>4. Thời hạn giải quyết: Chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị công bố đúng theo quy định, Sở Giao thông Vận tải tổ chức kiểm tra, lập biên bản kiểm tra và ra quyết định công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.</p>
<p>5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.</p>
<p>6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>b) Cơ quan, người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Giao thông Vận tải tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông Vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.</p>
<p>7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố.</p>
<p>8. Phí, Lệ phí: Không.</p>
<p>9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị công bố đưa bến xe hàng vào khai thác (Phụ lục 29, ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải).</p>
<p>10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.</p>
<p>11. Căn cứ cơ sở pháp lý của thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ năm 2008; - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

CÁC MẪU ĐƠN, TỜ KHAI HÀNH CHÍNH: Có.
MẪU KẾT QUẢ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐÍNH KÈM: Có.

PHỤ LỤC 29

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

Tên doanh nghiệp,
HTX:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CÔNG BỐ ĐƯA.....(tên bến xe hàng).....vào khai thác

Kính gửi: Sở GTVT.....

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp) số..... do.....cấp ngày.....tháng..... năm.....
6. Sau khi xem xét và đối chiếu với các tiêu chí kỹ thuật bến xe hàng quy định tại Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, chúng tôi đề nghị Sở GTVT.....kiểm tra, xác nhận và công bố đưa.....(tên bến xe hàng)..... thuộc tỉnh:..... vào khai thác. Cụ thể như sau:
 - Tên bến xe:.....
 - Địa chỉ:(1).....
 - Tổng diện tích đất: (2)..........(tên đơn vị).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện Doanh nghiệp, Hợp tác xã
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Hướng dẫn ghi:

- (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của bến xe hàng.
- (2) Ghi theo giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất.

PHỤ LỤC 30

(Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải)

UBND tỉnh, TP.....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đưa(tên bến xe hàng)..... vào khai thác

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số.....ngàytháng ...năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải.

Căn cứ Thông tư số .../2014/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2014 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Căn cứ văn bản kiểm tra của Sở Giao thông vận tải ngày...../...../.....

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa..... (tên bến xe hàng)..... vào khai thác với các nội dung sau:

- Tên bến xe hàng:.....
- Tên đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Địa chỉ (1).....
- Tổng diện tích đất:.....
- Diện tích kho hàng kín:
- Diện tích đỗ xe:

Điều 2. (bến xe hàng)..... được kinh doanh, khai thác kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Các ông (bà).....,(cơ quan, tổ chức thực hiện).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....

- Lưu.

Sở Giao thông vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi: (1) Ghi địa danh, lý trình, địa chỉ của Bến xe hàng.